



pèi shì
配饰

noun · accessory

Example Sentences

zhè tiáo xiàng liàn shì tā zuì cháng dài de pèi shì
这条项链是她最常戴的配饰。

This necklace is the accessory she wears most often.

tā xǐ huān dài jiǎn dān de pèi shì
她喜欢戴简单的配饰。

She likes to wear simple accessories.

pèi shì néng tí shēng zhěng tǐ chuān dā de zhì gǎn
配饰能提升整体穿搭的质感。

Accessories can enhance the texture of an overall outfit.

Trace each character, then write the word on your own.

配	配	配	配	配	配	配	配	配	配	配
配	配									
饰	饰	饰	饰	饰	饰	饰	饰	饰	饰	饰